

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 255/2023/HNGĐ-ST
Ngày 11-8-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Việt Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 521/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 288/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thu S, sinh năm 1999 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Liên Tuấn K, sinh năm 1986 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án chị Đoàn Thu S trình bày: Chị và anh Liên T Khải tự nguyện thành hôn vào năm 2019, nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hòa hợp nhau và không tự giải quyết được nên chị yêu cầu ly hôn với anh K. Giữa chị và anh K không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đặt ra yêu cầu.

Do điều kiện công việc nên chị đề nghị vắng mặt khi giải quyết vụ án.

Ý kiến anh Liên T Khải: Anh và chị Đoàn Thu S tự nguyện thành hôn vào năm 2019 là đúng, không có đăng ký kết hôn như chị S trình bày. Do có sự bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hòa hợp nhau dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị S.

Vợ chồng không có con chung như chị S trình bày.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đặt ra yêu cầu.

Do điều kiện công việc nên anh đề nghị vắng mặt khi giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Đoàn Thu S được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Đoàn Thu S và anh Liên T Khải có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị S, anh K.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh K được xác lập vào năm 2019, nhưng không đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết. Do quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh K không đăng ký theo quy định của pháp luật, căn cứ Điều 53 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị S và anh K là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị S và anh K không có con chung, nên không đặt ra.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S và anh K xác định không có và không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí chị S đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Đoàn Thu S và anh Liên T K là vợ chồng.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Đoàn Thu S phải chịu 300.000 đồng, chị S đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007141 ngày 27/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Việt Xô